

Biểu số 01

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN, NỘI DUNG CHI GIỮA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐÃ PHÂN BỐ
TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 886/QĐ-UBND NGÀY 22/12/2025, 81/QĐ-UBND ngày 04/02/2026, 333/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 CỦA UBND PHƯỜNG ĐOÀN KẾT**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của UBND phường Đoàn Kết)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Loại-khoản	Dự toán đã phân bổ	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
				Giảm (-)	Tăng (+)		
A	B	C	1	2	3	4=1-2+3	D
	TỔNG CỘNG		908	857	857	908	
I	Điều chỉnh dự toán, Nội dung chi đã phân bổ tại Quyết định 886/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND phường Đoàn Kết		366	366	366	366	
1	Phòng Văn hóa- Xã hội		366	366	0	0	
-	Kinh phí tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 28/QĐ-TTg	370-398	316	316		0	Tờ trình số 2064/TTr-VHXXH ngày 14/8/2026
-	Kinh phí lắp biển tuyên truyền nội quy tuyến đường, phổ văn minh đô thị	280-338	50	50		0	
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		0	0	366	366	
-	Kinh phí tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 28/QĐ-TTg	370-398			316	316	
-	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện, thay thế bóng đèn thấp sáng, hệ thống cửa phân làn, thang máy, điều hoà, kiểm định hệ thống chống sét, hệ thống PCCC	280-338			50	50	
II	Điều chỉnh nội dung chi tại Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 04/02/2026 của UBND phường Đoàn Kết		42	42	42	42	
1	Trạm y tế phường		42	42	42	42	
-	Kinh phí thực hiện chính sách đãi ngộ đối với bác sĩ sau đại học NQ23/2023/NQ-HĐND	130-131	18	18		0	
	Kinh phí thực hiện chính sách đãi ngộ đối với bác sĩ sau đại học NQ23/2023/NQ-HĐND	130-132	24	24		0	
-	Kinh phí thực hiện chính sách đãi ngộ đối với bác sĩ sau đại học NQ20/2023/NQ-HĐND; NQ28/2026/NQ-HĐND	130-131			18	18	
	Kinh phí thực hiện chính sách đãi ngộ đối với bác sĩ sau đại học NQ20/2023/NQ-HĐND; NQ28/2026/NQ-HĐND	130-132			24	24	
III	Điều chỉnh dự toán tại Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 của UBND phường Đoàn Kết		500	449	449	500	
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		500	449	0	51	
-	Kinh phí đảm bảo cơ sở, vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc phục vụ công tác chuyên môn	340-341	500	449		51	

STT	Nội dung	Loại-khoản	Dự toán đã phân bổ	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
				Giảm (-)	Tăng (+)		
A	B	C	1	2	3	4=1-2+3	D
2	Văn phòng Đảng ủy		0	0	130	130	Tờ trình số 80-TTr/VPĐU ngày 12/8/2026
-	Kinh phí đảm bảo cơ sở, vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc phục vụ công tác chuyên môn	340-351			130	130	
3	Văn phòng HĐND và UBND		0	0	153	153	Tờ trình số 206/TTr-VP ngày 15/8/2026
-	Kinh phí đảm bảo cơ sở, vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc phục vụ công tác chuyên môn	340-341			153	153	
4	Phòng Văn hóa - Xã hội		0	0	43	43	Tờ trình số 2108/TTr-VHXXH ngày 17/8/2026
-	Kinh phí đảm bảo cơ sở, vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc phục vụ công tác chuyên môn	340-341			43	43	
5	Trung tâm dịch vụ tổng hợp		0	0	123	123	Tờ trình số 259/TTr-TTĐVTH ngày 12/8/2026
-	Kinh phí đảm bảo cơ sở, vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc phục vụ công tác chuyên môn	340-341			123	123	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

Đơn vị: UBND phường Đoàn Kết

Mã số: 2803388

Mã KBNN nơi giao dịch: 3161

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của UBND phường Đoàn Kết)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ghi chú
A	B	1=2	C
I	Tổng thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0,0	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.254,0	
1	Chi quản lý hành chính	95,0	
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	95,0	
-	Kinh phí tổ chức "ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc"	20,0	
-	Kinh phí phục vụ viếng Nghĩa trang Liệt sĩ nhân dịp các ngày lễ, tết và kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ	15,0	
-	Kinh phí tham gia Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh năm 2026	30,0	
-	Kinh phí in giấy phép xây dựng, giấy phép đăng ký kinh doanh	30,0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,0	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
3	Kinh phí giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0,0	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,0	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
5	Chi đảm bảo xã hội	0,0	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
6	Chi các hoạt động kinh tế	2.159,0	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.159,0	
-	Nâng cấp, sửa chữa vỉa hè một số tuyến đường, phố trên địa bàn phường Đoàn Kết	2.159,0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,0	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
8	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	0,0	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	0,0	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
10	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	0,0	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026
(Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí chưa phân bổ chi tiết tại Quyết định 886/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 12 năm 2025 của UBND phường Đoàn Kết)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của UBND phường Đoàn Kết)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Văn phòng HĐND và UBND	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Ghi chú
A	B	1=2	1	2	3	4	C
I	Tổng thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0,0				0,0	
1	Số thu phí, lệ phí						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.254,0	20,0	15,0	30,0	2.189,0	
1	Chi quản lý hành chính	95,0	20,0	15,0	30,0	30,0	
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	95,0	20,0	15,0	30,0	30,0	
-	Kinh phí tổ chức "ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc"	20,0	20,0				Tờ trình số 811/TTr-CAP ngày 6/8/2026
-	Kinh phí phục vụ viếng Nghĩa trang Liệt sĩ nhân dịp các ngày lễ, tết và kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ	15,0		15,0			Tờ trình số 2064/TTr-VHXXH ngày 14/8/2027
-	Kinh phí tham gia Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh năm 2026	30,0			30,0		Tờ trình số 259/TTr-TTĐVTH ngày 12/8/2026
-	Kinh phí in giấy phép xây dựng, giấy phép đăng ký kinh doanh	30,0				30,0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,0				0,0	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo						
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
3	Kinh phí giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0,0				0,0	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,0				0,0	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
5	Chi đảm bảo xã hội	0,0				0,0	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						

STT	Nội dung	Tổng cộng	Văn phòng HĐND và UBND	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Ghi chú
A	B	1=2	1	2	3	4	C
6	Chỉ các hoạt động kinh tế	2.159,0				2.159,0	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.159,0				2.159,0	
-	<i>Nâng cấp, sửa chữa vỉa hè một số tuyến đường, phố trên địa bàn phường Đoàn Kết</i>	2.159,0				2.159,0	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,0				0,0	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
8	Chỉ sự nghiệp Văn hóa thông tin	0,0				0,0	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình	0,0				0,0	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
10	Chỉ sự nghiệp thể dục, thể thao	0,0				0,0	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách		1156583	1163282	1078334	1163283	
	Mã số kho bạc nhà nước nơi giao dịch	3161	3161	3161	3161	3161	